

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ
lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Tài chính tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 518/TTr-STC ngày 04 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang (gồm: 17 TTHC mới ban hành; 28 TTHC bị bãi bỏ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ thủ tục hành chính thứ tự số 26, 27, 28, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, Phần I Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tài chính trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang.

2. Bãi bỏ thủ tục hành chính thứ tự số 5, 6, 7, 8, 9, Phần I Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực giao thông vận tải trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính phối hợp Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát, cập nhật Quyết định này và các thủ tục hành chính vào cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính (<https://csdlttthc.dichvucong.gov.vn>).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Công báo - Tin học) có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, htbmai.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ
CÔNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH AN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1		Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP). - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1, Chương I Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).
2		Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1, Chương I Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).
3		Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
				- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1, Chương I Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).
4		Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1, Chương I Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).
5		Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 12/2025/NĐCP).
6		Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 12/2025/NĐCP).
7		Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 12/2025/NĐCP).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
8		Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 12/2025/NĐCP).
9		Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị) - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường sắt cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).
10		Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị) - Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		doanh nghiệp		
11		Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị) - Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).
12		Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị) - Cơ quan thực hiện: + Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường sắt cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP). + Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).
13		Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị) - Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).
14		Giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý hàng hải địa phương) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
15		Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý hàng hải địa phương) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).
16		Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý hàng hải địa phương) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).
17		Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Quản lý công sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý hàng hải địa phương) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC nội bộ
1	6.002493	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Nghị định số 99/2026/NĐCP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông
2	6.002496	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	
3	6.002497	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	
4	6.002495	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	
5	6.002494	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	
6	6.006153	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao lại tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
7	6.003440	Thanh toán chi phí từ việc khai thác/xử lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	
8	6.006154	Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư theo phương thức đối tác công tư	
9	6.006269	Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Nghị định số 99/2026/NĐCP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
10	6.006270	Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	
11	6.006271	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC nội bộ
12	6.006272	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông
13	6.006273	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	
14	6.006274	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	
15	6.006275	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	
16	6.006276	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	
17	6.006277	Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	
18	6.006278	Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được đầu tư theo phương thức đối tác công tư	
19	6.006279	Giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho cơ quan quản lý tài sản theo hình thức ghi tăng tài sản	
20	6.006280	Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Nghị định số 99/2026/NĐCP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông
21	6.006281	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	
22	6.006282	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	
23	6.006283	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	
24	6.006284	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	
25	6.006285	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	
26	6.006286	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	
27	6.006287	Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC nội bộ
28	6.006288	Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được đầu tư theo phương thức đối tác công tư	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trừ tài sản đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc giao tài sản: 01 bản chính.
- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: 01 bản sao.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

1.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1, Chương I Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

1.7. Kết quả thực hiện: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý: Điều 6, Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.2) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.3) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

2.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1, Chương I Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

2.7. Kết quả thực hiện:

a) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt): Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt): Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt): Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt): Mẫu số 02B.

b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt): Mẫu số 02C.

c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt): Mẫu số 02D.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định

2.11. Căn cứ pháp lý: Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

(Mẫu này được sửa đổi bởi Khoản 1, 2, 15, 16, 17, 18 Điều 22 Nghị định 99/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31/03/2026)

(Mẫu dưới đây đã bao gồm nội dung sửa đổi)

Mẫu số 02B

**BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

Số: .../...-ĐATP

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/ diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
BỘ XÂY DỰNG

Số: .../...-ĐACT

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ
(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

Số: .../...-ĐACN

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ**
(*Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP)

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐCP xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

c) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

d) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

đ) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐCP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản sao;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan

đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP);

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.3) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản sao;

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.4) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.5) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản sao;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

3.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

3.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1, Chương I Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

3.7. Kết quả thực hiện:

- Quyết định thu hồi, điều chuyển, chuyển giao, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

- Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

3.11. Căn cứ pháp lý: Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16; khoản 12, khoản 13 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ

4. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định sử dụng tài sản đề tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án): 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản sao;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày

4.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

4.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1, Chương I Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

4.7. Kết quả thực hiện: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

4.11. Căn cứ pháp lý: Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

Mẫu số 01C

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

5. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**5.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP), cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trừ tài sản đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP) xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**a) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh về việc giao tài sản: bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của

địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh lập: bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

5.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ

5.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý)

5.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 12/2025/NĐCP).

5.7. Kết quả thực hiện: Quyết định giao quản lý tài sản tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

5.11. Căn cứ pháp lý: Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐCP ngày 20/01/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

6. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

b) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản sao;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.2) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản sao;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

6.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

6.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 12/2025/NĐCP).

6.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê, Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

6.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt): Mẫu số 02B

b) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt): Mẫu số 02C.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

6.11. Căn cứ pháp lý: Điều 14, Điều 15 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

(Mẫu này được sửa đổi bởi Khoản 1, 12, 13, 18, 19 Điều 38 Nghị định 99/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31/03/2026)

(Mẫu dưới đây đã bao gồm nội dung sửa đổi)

Mẫu số 2B

**BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / -ĐACT

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:...

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.,,

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, nộp ngân sách nhà nước,...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản (một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa), gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.
3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.
4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.
5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
6. Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (hàng năm, một lần).
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: số tiền thu được, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02C

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH,
 THÀNH PHỐ...
 CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / -ĐACN

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, nộp ngân sách nhà nước,...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản (một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa), gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản

(khối lượng, chiều dài,...); diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

2. Nội dung dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

6. Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá.

7. Phương thức thanh toán.

8. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

9. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

7. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ)

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2026/NĐCP xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

c) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

d) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2026/NĐCP xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

đ) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ xem xét, quyết định.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐCP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.

- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ):

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc thu hồi tài sản: bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.3) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản sao;

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.4) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.5) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

7.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

7.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 12/2025/NĐCP).

7.7. Kết quả thực hiện:

- Quyết định thu hồi, điều chuyển, chuyển giao, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

7.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01B

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

7.11. Căn cứ pháp lý: Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

8. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.

- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản sao;
- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý đường thủy nội địa cấp xã quản lý) về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;
- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;
- Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

8.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

8.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

8.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 12/2025/NĐCP).

8.7. Kết quả thực hiện: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

8.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01B

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

8.11. Căn cứ pháp lý: Điều 25 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

(Mẫu này được sửa đổi bởi Khoản 1, 12, 13 Điều 38 Nghị định 99/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31/03/2026)
(Mẫu dưới đây đã bao gồm nội dung sửa đổi)

Mẫu số 01B

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm.....

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ, SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

I. Danh mục tài sản đề nghị xử lý, sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài...)	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng sử dụng tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý ¹ , sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:.....

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể đề nghị xử lý thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

9. Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP; cơ quan quản lý đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.

- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường sắt đô thị về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: bản chính.

- Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được đề nghị giao quản lý tài sản: bản sao.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản; tên tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản) do cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì lập: bản sao.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

9.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

9.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý đường sắt đô thị

9.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường sắt cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

9.7. Kết quả thực hiện: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

9.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

9.11. Căn cứ pháp lý: Điều 9 Nghị định số 15/2025/NĐCP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.

10. Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Bước 3: Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện việc điều chỉnh danh mục tài sản (gồm: Danh mục tài

sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (kèm theo bản sao Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp): bản chính.

- Danh mục tài sản (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng tài sản): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

10.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

10.5. Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

10.6. Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

10.7. Kết quả thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

10.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

10.11. Căn cứ pháp lý: Điều 10 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.

11. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị)

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.

- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

11.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

11.5. Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

11.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

11.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

11.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 02B

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

11.11. Căn cứ pháp lý: Điều 18 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 44 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

(Mẫu này được sửa đổi bởi Khoản 1, 7, 8 Điều 63 Nghị định 99/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31/03/2026)

(Mẫu dưới đây đã bao gồm nội dung sửa đổi)

Mẫu số 02B

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH
THÀNH PHỐ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN DOANH NGHIỆP
QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG
SẮT QUỐC GIA/ĐÔ THỊ

Số:-ĐACT

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Luật Đường sắt năm 2017;

- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về doanh nghiệp lập Đề án khai thác tài sản

Chức năng, nhiệm vụ/ngành nghề đăng ký kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý

- Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị đang thực hiện quản lý; trong đó chi tiết về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất cho thuê quyền khai thác tài sản, gồm: Quyết định giao tài sản; tên tài sản, tên tuyến; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; phương thức đang thực hiện khai thác.

- Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất khai thác:

+ Kết quả thực hiện việc khai thác của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, nộp ngân sách nhà nước/việc quản lý, sử dụng số tiền thu được....) (nếu có).

+ Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN (đối với tài sản tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất khai thác)

1. Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất khai thác (toàn bộ tài sản/một phần của từng tài sản), gồm: Quyết định giao tài sản; tên tài sản, tên tuyến; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Lý do (sự cần thiết đề xuất phương thức cho thuê quyền khai thác).

3. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Căn cứ và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

6. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
7. Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (hàng năm, một lần).
8. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: số tiền thu được, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản, số tiền nộp ngân sách nhà nước.
9. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

12. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Bước 1: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị:

b.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương sang Bộ Xây dựng để làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3a Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.

b.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

b.2.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Bước 1: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 47, Điều 58 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b.2.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định).

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3a Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 47, Điều 58 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.

c) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Bước 1: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho các cơ quan chức năng của địa phương quản lý, xử lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 40 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

d) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Bước 1: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định).

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- Bước 1: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định) xem xét, quyết định.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.

- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị:

a.2.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương sang Bộ Xây dựng để làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về việc điều chuyển tài sản: 01 bản sao;
- Văn bản của Bộ Xây dựng về đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;
- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.2.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a.2.2.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;
- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp đó: 01 bản chính;
- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.2.2.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về việc điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

- Văn bản của cơ quan tiếp nhận tài sản về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.3) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản; lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý): 01 bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.4) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a.5) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản trước khi bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

12.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

b) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị:

b.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương sang Bộ Xây dựng để làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

b.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

b.2.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

b.2.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

d) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

12.5. Đối tượng thực hiện:

a) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

b) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị:

b.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương sang Bộ Xây dựng để làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia: Cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương.

b.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

b.2.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

b.2.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương: Cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản

c) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

d) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

đ) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

12.6. Cơ quan giải quyết:

a) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

b) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị:

b.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương sang Bộ Xây dựng để làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường sắt cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

b.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

b.2.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

b.2.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý đường sắt cấp tỉnh) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

c) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

d) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định.

- Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

đ) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định.

- Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

12.7. Kết quả thực hiện:

- Quyết định thu hồi, điều chuyển, chuyển giao, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

- Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

12.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

12.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.
- Điểm a khoản 3a Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 47, Điều 58 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.
- Điều 23, Điều 25, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 47, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 63 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

13. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được đầu tư theo phương pháp đối tác công tư

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi có nhu cầu sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định điểm a khoản 3 Điều 44 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;
- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;
- Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

13.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

13.5. Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

13.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 15/2025/NĐCP).

13.7. Kết quả thực hiện: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

13.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01B

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

13.11. Căn cứ pháp lý: Điều 44 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 62 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH
THÀNH PHỐ...
TÊN DOANH NGHIỆP QUẢN
LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ¹, SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ²

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý, sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tên tài sản, tên tuyến (Chi tiết theo từng tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng,..)	Diện tích (m^2)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng sử dụng tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Xử lý tài sản theo quy định các Điều (từ Điều 21 - Điều 26, từ Điều 37 - Điều 43) Nghị định số .../2025/NĐ-CP; ghi cụ thể đề nghị xử lý thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

² Sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại Điều 28, Điều 43 Nghị định số/2025/NĐ-CP.

14. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

14.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 7 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý hàng hải về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản sao.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2025/NĐCP theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý hàng hải lập: bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

14.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

14.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

14.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý hàng hải địa phương) (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, Chương I Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

14.7. Kết quả thực hiện:

14.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

14.11. Căn cứ pháp lý: Điều 6, Điều 7 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

15. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ), cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 6 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ), cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời

hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt):

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.2) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản đề nghị phê duyệt Đề án: bản sao;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

15.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

15.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương.

15.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý hàng hải địa phương) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

15.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê, Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

15.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 02B, Mẫu số 02C.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

15.11. Căn cứ pháp lý: Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 68 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

(Mẫu này được sửa đổi bởi Khoản 7, 8 Điều 77 Nghị định 99/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31/03/2026)

(Mẫu dưới đây đã bao gồm nội dung sửa đổi)

Mẫu số 02B

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:-ĐACT

....., ngày ... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số

24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Bộ Luật Hàng hải năm 2015;

- Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan quản lý tài sản lập Đề án khai thác tài sản: Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý.

c) Về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác quyền khai thác:

- Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

- Tài sản dự kiến khai thác theo phương thức cho thuê quyền khai thác hiện đang thực hiện khai thác theo hình thức nào? Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 02 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, số tiền nộp ngân sách nhà nước,...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản (một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải), gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản.

Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản theo phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông hàng hải thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

6. Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (hàng năm, một lần).

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Số tiền thu được, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02C

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 THÀNH PHỐ...
 CƠ QUAN.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:-ĐACN

....., ngày ... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Bộ Luật Hàng hải năm 2015;

- Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan quản lý tài sản lập Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải: Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý.

c) Về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản:

- Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

- Tài sản dự kiến khai thác theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, hiện đang thực hiện khai thác theo hình thức nào? Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 02 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, số tiền nộp ngân sách nhà nước,...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản (một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải), gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản.

Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông hàng hải thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

2. Nội dung dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

6. Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá.

7. Phương thức thanh toán.

8. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

9. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

16. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

b.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền. Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ)

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

c) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có

thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 72 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 72 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

d) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 73 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 73 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

đ) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 84/2025/NĐCP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ quyết định xử lý tài sản.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.

- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản chính
- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19): bản sao;
- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a.2.1) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;
- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: bản chính và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản;
- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ): bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.2.2) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

- Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.3) Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.4) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

a.5) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;
- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;
- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;
- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

16.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

16.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản

16.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý hàng hải địa phương) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

16.7. Kết quả thực hiện:

- Quyết định thu hồi, điều chuyển, chuyển giao, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

- Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

16.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01B

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

16.11. Căn cứ pháp lý: Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 77, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

17. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư

17.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 26 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 76 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 26 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 76 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

17.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;
- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;
- Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

17.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

17.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

17.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng (cơ quan quản lý hàng hải địa phương) (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2, Chương I Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

17.7. Kết quả thực hiện: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

17.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01B

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

17.11. Căn cứ pháp lý: Điều 26 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 76 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

Mẫu số 01B

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng.... năm.....

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ¹, SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ³

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý, sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tên tài sản (Chỉ tiết theo từng tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài...)	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng sử dụng tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:.....

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Xử lý tài sản theo quy định tại các Điều (từ Điều 19 đến Điều 24) Nghị định số .../2025/NĐ-CP; ghi cụ thể đề nghị xử lý thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

³ Sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại Điều 26 Nghị định số/2025/NĐ-CP.